

MỘT SỐ BIỂU HIỆN CỦA NHÂN SINH QUAN PHẬT GIÁO TRONG *TRUYỀN KỶ MẠN LỤC* CỦA NGUYỄN DỮ

Phạm Văn Hóa

Khoa Ngữ văn và Lịch sử, Trường Đại học Đà Lạt, Việt Nam

Email: hoapv@dlu.edu.vn

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 12/4/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 04/5/2021; Ngày duyệt đăng: 14/5/2021

Tóm tắt

Văn hóa Phật giáo ảnh hưởng khá sâu đậm đối với văn hóa Việt Nam truyền thống. Văn học trung đại Việt Nam chịu tác động của văn hóa Phật giáo trong các giai đoạn phát triển. Từ “Truyện kỳ mạn lục” của Nguyễn Dữ, bài viết phân tích một số biểu hiện của nhân sinh quan Phật giáo như báo ứng nhân quả, tu nhân tích đức, kiếp khác và địa ngục... ảnh hưởng đối với nội dung, hình thức nghệ thuật của tác phẩm truyền kỳ. Trong bài viết này, bằng nỗ lực phân tích một số biểu hiện nhân sinh quan Phật giáo trong “Truyện kỳ mạn lục”, người viết mong góp phần lý giải những phần uất đầy cảm giác bất lực trong lời gào thét lên án thời cuộc của Nguyễn Dữ.

Từ khóa: *Đầu thai, địa ngục, nhân duyên, nhân quả, Truyện kỳ mạn lục, văn hóa Phật giáo.*

SOME STATUS CHARACTERISTICS OF BUDDHIST OUTLOOK ON LIFE IN THE *COLLECTION OF STRANGE TALES*

Pham Van Hoa

Faculty of Literature and History Studies, Dalat University, Vietnam

Email: hoapv@dlu.edu.vn

Article history

Received: 12/4/2021; Received in revised form: 04/5/2021; Accepted: 14/5/2021

Abstract

Buddhist culture has a great impact upon Vietnamese ancient culture. Vietnamese central literature is affected by Buddhist culture in the stages of development. This paper studied the ideas of karma, reincarnation and hell and their influence on the content and art form of truyen ky tales (strange/mythical tales) associated with Buddhist outlook on life in the Collection of Strange Tales (Nguyen Du). This article, on analyzing the manifestation of the Buddhist outlook on life in the Collection of Strange Tales, contributes to justifying the feeling of helpless resentment in the screams of Nguyen Du.

Keywords: *Buddhist culture, collection of strange tales, conditional causation, hell, karma, reincarnation.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.910>

Trích dẫn: Phạm, V. H. (2021). Một số biểu hiện của nhân sinh quan Phật giáo trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 10(6), 56-63. <https://doi.org/10.52714/dthu.10.6.2021.910>.

1. Đặt vấn đề

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng thế kỷ thứ I trước Công nguyên. Đến thời kỳ độc lập (từ thế kỷ X), Phật giáo đã phát triển cực thịnh, ảnh hưởng mọi phương diện đời sống của người Việt Nam. “Phật giáo từ Hậu Lê đến thời hiện đại thường được cho rằng là thời kỳ suy yếu của Phật giáo Việt Nam, thực tế là người Việt Nam thời kỳ này đã thấm nhuần sâu sắc tư tưởng Phật giáo hóa thành máu thịt, tâm hồn của người Việt. Với một số hoạt động thực tiễn như tín ngưỡng Quan âm, niệm Phật, phóng sinh, ăn chay,... Phật giáo không còn bị xem là tôn giáo ngoại lai, mà là tôn giáo của người Việt. Hơn nữa Phật giáo còn làm thoả mãn “câu được ước thấy” mang lại một số lợi ích thực tế của nhân dân. Sự hòa hợp của tín ngưỡng Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian có mối quan hệ mật thiết với cuộc sống của nhân dân” (Nguyễn & Đoàn, 2016, tr. 194). Thời *Truyện kỳ mạn lục* ra đời, các nhà nho tìm đến Phật giáo là tìm đến một triết lý sống, một chỗ dựa tinh thần cho cuộc sống nhiều đau khổ, đối với người dân, Phật giáo tồn tại như một dòng suối mát thỏa mãn cơn khát tinh thần và là một chỗ dựa tâm linh để lánh nạn. Đối với những vấn đề mà Nho giáo không thể cho được một giải đáp thỏa đáng, một nhà nho như Nguyễn Dữ cũng đã cố tìm lời giải đáp trong thế giới của tư tưởng Phật giáo. *Truyện kỳ mạn lục* có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc, những quan điểm lý giải số phận nhân vật lại thấm đẫm màu sắc nhân sinh quan Phật giáo. Tất cả các truyện trong *Truyện kỳ mạn lục* về cơ bản “đề cao cái tốt và trừng phạt cái xấu” (khuyến thiện trừng ác), mệnh đề đóng vai trò cơ bản đối với một thể loại truyện chữ Hán được xem là “sách đạo đức” (thiện thư) này^①. Trong bài viết này, bằng nỗ lực phân tích một số biểu hiện nhân sinh quan Phật giáo trong *Truyện kỳ mạn lục*, người viết mong góp phần lý giải những phần uất đầy cảm giác bất lực trong lời gào thét lên án thời cuộc của Nguyễn Dữ.

2. Nội dung

2.1. Tác giả Nguyễn Dữ và tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục*

Văn học thế kỷ XVI ghi nhận bước đột khởi của văn xuôi tự sự chữ Hán qua một tập truyện được Vũ Khâm Lân đánh giá là “thiên cổ kỳ bút”: *Truyện kỳ mạn lục*. Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* có giới thiệu về Nguyễn Dữ: “Nguyễn Dữ người xã Đỗ Tùng huyện Gia Phúc. Cha là Nguyễn Tường Phiêu, Tiến

sĩ khoa Bính Thìn đời Hồng Đức (1496), làm quan đến Thượng thư Bộ Hộ. Dữ từ nhỏ đã nổi tiếng học rộng nhớ nhiều, có thể lấy văn chương nói nghiệp nhà. Ông đỗ Hương tiến, nhiều lần thi Hội, trúng Tam trường, được bổ chức Tri huyện Thanh Tuyên, mới được một năm, lấy có nơi làm việc xa xôi, xin về phụng dưỡng (cha mẹ?). Sau vì nguy Mạc thoán đoạt, thế không đi làm quan nữa; ở làng dạy học, không đặt chân đến chốn thị thành, viết *Truyện kỳ mạn lục* 4 quyển, văn từ thanh lệ, người đương thời rất khen” (Viện Sử học, 1977, tr. 51). Nguyễn Dữ sinh ra gặp buổi đất nước loạn lạc thời kỳ Lê - Mạc, cảm nhận một cách sâu sắc sự khủng hoảng của tư tưởng Nho giáo, nhận thức rõ nét tình trạng xã hội đen tối và tai họa chiến tranh, trong sáng tác của mình ông bộc lộ thái độ bất mãn với thời cuộc. Nguyễn Dữ được phỏng đoán đã viết *Truyện kỳ mạn lục* vào những năm 1509-1547 và tác phẩm được người đời sử dụng cụm từ “phát phần mà viết sách” để mô tả. Tác giả sáng tác tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục*, trên cơ sở khai thác từ văn học dân gian Việt Nam cùng với việc tiếp nhận thành tựu truyện truyền kỳ Trung Quốc. Trong *Truyện kỳ mạn lục*, ông nhiều lần dùng hình thức kỳ ảo, hoang đường để phản ánh hiện thực xã hội, hướng đến trừng phạt kẻ xấu, thương người nghèo xót kẻ oan khuất. Đó cũng là cách nhà nho biểu lộ chính kiến của mình tránh bị chính quyền phong kiến chú ý. Thủ pháp phản ánh hiện thực của *Truyện kỳ mạn lục* khá đặc thù. Tác phẩm này có mối quan hệ với tư tưởng Tam giáo đương thời^② và văn hóa dân gian truyền thống, trong đó liên quan đến nhân sinh quan Phật giáo có một số truyện sau: *Chuyện Lý tướng quân*, *Chuyện gã trà đồng giảng sinh*, *Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*, *Cây gạo*, *Chuyện yêu quái ở Xương Giang*, *Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây*, *Chuyện oan nghiệp của Đào thị*, *Từ Thức lấy vợ tiên*, *Chuyện tướng Dạ Xoa*, *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu*, *Chuyện người con gái chùa hoang ở huyện Đông Triều*, *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Chuyện nàng Lệ Nương*. Một số biểu hiện của nhân sinh quan Phật giáo được thể hiện trong tập truyện *Truyện kỳ mạn lục* trên các phương diện sau.

2.2. Nội dung nhân sinh quan Phật giáo trong *Truyện kỳ mạn lục*

2.2.1. Quan niệm “Nghệp Báo - Nhân Quả” - tìm đến sự công bằng

Theo Thích Đức Nghiệp, “thuyết Nghiệp

Báo cũng là một tên gọi khác của quy luật nhân quả báo ứng. Lý do: Nghiệp = Nhân; Báo = Quả. Nghiệp hàm chứa: Thiện nghiệp (kasala), Ác nghiệp (akusala)” (Thích, 1995, tr. 143-144). “Nguyên tắc của nghiệp là “gieo gió gặt bão” và nguyên tắc ấy chi phối toàn thể đời sống của Phật tử; bởi vì, sự thực, cái dựng lên cá biệt tính của một người không có gì khác hơn chính là nghiệp của y” (Suzuki, 1992, tr. 403). “Tất cả các loại hữu tình sinh ra theo nghiệp của chúng: Thiện nhân sinh thiên đường, ác nhân sinh địa ngục và ai thực hành chánh đạo thì chứng đắc niết bàn. Do tu tập lục độ nên có thể làm ích lợi chúng sinh bằng nhiều đường hướng, và chắc chắn sẽ được hưởng phước lạc, không những chỉ đời này mà cả đến đời sau. Nghiệp có thể chỉ có hai loại: Tư (catara) hay nội tâm và tư sở tác (Cetayitva) phát hiện bằng lời và bằng vận động của thân” (Suzuki, 1992, tr. 403).

Nội dung quan niệm về nghiệp chỉ rõ, con người tạo nghiệp tốt cho quả báo tốt, tạo nghiệp xấu cho quả báo xấu và “chuyên nghiệp” chính là chỉ việc con người có thể chuyển biến nghiệp theo hướng tốt hay hướng xấu. Nếu đứng từ nội dung này thì rõ ràng nhiều truyện trong *Truyện kỳ mạn lục* khi miêu tả cuộc đời nhân vật chịu ảnh hưởng quan niệm về chữ nghiệp của Phật giáo.

Chuyện Lý tướng quân là một truyện điển hình của “Ác nghiệp”. Truyện kể về nhân vật Lý Hữu Chi được tiến cử làm tướng quân của vua Gián Định. Khi có chức trọng quyền cao, chuyên làm điều càn rỡ, bạc ác kết cục không thể tránh được “ác giả ác báo” - xuống âm phủ chịu đủ loại cực hình “lấy nước sôi rửa ruột”, “lấy lưỡi chủy thủ moi ruột”,... “Nghiệp Báo - Nhân Quả” là tư tưởng cơ bản của Phật giáo nói rõ tất cả các mối quan hệ trong thế giới. Tư tưởng này gắn gũi với tư duy “quả báo” của dân gian. Và phải chăng, Nguyễn Dữ tâm đắc với Phật giáo nên lấy chữ Nghiệp của đạo Phật bổ sung cho chữ Mệnh của Nho giáo để kết án: Tự mình gieo mầm khổ ở kiếp trước, thì tự mình phải chịu lấy quả khổ ở kiếp này. Nguyên tắc của “Nghiệp Báo - Nhân Quả” là: Hình phạt nhất định đi theo tội đã gây ra, chính là định mệnh mà không tháo gỡ được. Đã là định mệnh thì con người không thể biết trước được, và đối với tội mà mình gây ra, thì nhất định có ứng báo tương ứng với tội đó. Nội dung truyện *Chuyện Lý tướng quân* thể hiện rõ điều đó.

Ngược lại, nội dung truyện *Chuyện gã trà đồng giáng sinh* lại điển hình cho triết lý “Thiện nghiệp” của Phật giáo. Do con người hành thiện từ tiền kiếp dẫn đến quả ở kiếp sau: Dương Đức Công làm quan thanh liêm, công bằng, nhân từ. Đến 50 tuổi, ông ta chưa có con trai, ốm nặng mà chết. Nhưng vì nhân đức nên trời cho ông sống lại, cho một trà đồng đầu thai làm con trai. Người con trai có tên là Tích Thiên. Như vậy, ở đây triết lý nghiệp báo, quả báo có màu sắc siêu hình của Phật giáo gặp gỡ tư tưởng Nhân quả ít nhiều mang màu sắc thực tiễn, thực tế của người dân Việt “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”, “Cây xanh thì lá cũng xanh, cha mẹ hiền lành để đức cho con”, “Gieo gió gặt bão”, “Ở hiền gặp lành”...

Trong truyện *Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi Thiên Tào*, chính nhân vật Dương Tràm - thầy học của Tử Hư - đã đúc rút rằng “Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Lưới trời thênh thang thừa nhưng chẳng lọt” (Nguyễn, 1999, tr. 113), “trời đất báo ứng, luân hồi” (Nguyễn, 1999, tr. 113). Trong xã hội phong kiến Việt Nam, nhất là xã hội của thời đại Nguyễn Dữ, bọn thống trị bất nhân, lừa lọc, hại người. Thời đại có bao nhiêu nước mắt thấm sâu, bao nhiêu con người bị oan trái, bao nhiêu mối tình hờn tủi, vợ con ly tán, cửa nát nhà tan..., khiến cho con người phải băn khoăn về cái lẽ sống chết của mình.

Ở những truyện trên, “Nghiệp Báo - Nhân Quả” không chỉ biểu hiện trong nội dung của tác phẩm, mà nó trở thành hình thức nghệ thuật phát triển tinh tiết truyện, tức là thông qua “Nghiệp Báo - Nhân Quả” khiến tình tiết câu chuyện thay đổi đồng thời thúc đẩy câu chuyện phát triển. Trong *Chuyện nghiệp oan của Đào thị*, sau một loạt biến cố trong đó Đào thị là nạn nhân, sau đó cô ta dạt vào chùa Pháp Vân. Tại đây nghiệp chương của cô trở nên nặng nề khi tiếp tục tư thông với sư Vô Kỳ. Và câu chuyện tiếp tục với cái chết của hai người, rồi sự trả thù của Đào thị với gia đình viên quan Nhược Chân. Xây dựng nên tình huống nghệ thuật và cuộc đời nhân vật như thế, Nguyễn Dữ mới thỏa mãn được nỗi lòng căm giận của mình đối với xã hội phong kiến đương thời. Vận dụng triết lý đạo Phật “Nghiệp báo” để nói lên tầm quan trọng của việc thực hành đức hạnh Khổng giáo và cũng là cách Nguyễn Dữ xoa dịu và an ủi nỗi khổ đau của con người. Khi con người đang sợ hãi trước một cuộc sống đầy rẫy bất công thì triết lý đạo Phật mang chất bi quan yếm thế lại trôi dạt trong tâm trạng

bất an của con người, nhất là phụ nữ, nạn nhân cực khổ nhất của xã hội phong kiến, cũng là nạn nhân khổ cực nhất của thời đại Nguyễn Dữ.

2.2.2. Tư tưởng “Phật tại tâm”, “Tu nhân tích đức” - con đường giải thoát

Trong *Truyện kỳ mạn lục*, Nguyễn Dữ đã mô tả nhiều tình tiết, sự kiện đậm chất nhân sinh quan Phật giáo, như: Sự nghiệp ngã của cuộc đời người phụ nữ được bắt đầu từ cuộc hôn nhân định mệnh (*Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Chuyện nàng Lê Nuong...*), sự gặp gỡ đầy nghiệp chướng giữa Đào thị và sư Vô Kỵ (*Chuyện nghiệp oan của Đào thị*), lời tiên báo của quan đại phu họ Thạch (*Chuyện gã trà đồng giáng sinh*), sự hồi sinh từ cái chết (*Chuyện Lý tướng quân, Chuyện người con gái Nam Xương, Chuyện tướng Dạ Xoa...*), cuộc hội ngộ với chồng (Chuyện đối tụng ở Long cung, Chuyện người con gái Nam Xương...), hình ảnh các nhà sư không có đức của Phật tử, chùa chiền không còn là chốn thanh tịnh (Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều, Chuyện nghiệp oan của Đào thị)... Cuộc đời là bể khổ. Cuộc sống của người dân dưới chế độ phong kiến quân chủ thế kỷ XVI chìm trong khổ ải, hạnh phúc của mỗi một cá nhân đều bị đe dọa. Tuy nhiên, điều này được xem như “Nghiệp báo - Nhân quả” từ kiếp trước, và họ tin rằng nếu kiếp này tu nhân tích đức thì kiếp sau sẽ được hưởng ân phúc. Phật tại tâm tức là ăn uống, ngủ nghỉ, đi đứng, làm lụng đều là thiền cả. Tư tưởng “Phật tại tâm”, “Tu nhân tích đức” khuyên người ta cố gắng tu tâm, bỏ đi những điều ân oán, hận thù. Con người có thể tu Phật tại tâm và tìm được hạnh phúc ngay ở cuộc sống đời thường. Triết lý sống này lại gần với tư tưởng tu thân của Nho giáo và với triết lý sống vô vi, ẩn dật của Lão Trang.

Chính vì vậy để tu tâm tích đức, người ta thấy trong *Truyện kỳ mạn lục*, các nhân vật rất xem trọng trung thành, hiếu thảo, trinh tiết, nghĩa tình. Những giá trị đạo đức Nho giáo này giúp duy trì trật tự gia đình và xã hội phong kiến thời bấy giờ có nguồn mạch liên kết với thuyết luân hồi, với quan niệm từ bi, bác ái, tích thiện của Phật giáo. Thiền tông Việt Nam đề cao tinh thần “Phật tại tâm” rất phù hợp với đạo lý, tập quán của người Việt. Đặc biệt, tinh thần bình dị và thiết thực của nó phù hợp với óc thực tiễn của người Việt Nam, gần gũi với nhân sinh quan của con người Việt Nam trong xã hội xưa nay “Ở hiền thì lại gặp lành/ Những người nhân đức trời dành phúc cho”...

Nhân vật Thúc Khoản trong *Chuyện Lý tướng quân* được miêu tả như một con người biết tu tâm tích đức. Nhận thức được việc làm của cha mình là gây nghiệp, anh ta đã thay đổi lối sống, tu tâm dưỡng tính khiến phúc phận trở lại. Phật giáo cho rằng để tránh mọi bi kịch trong cuộc đời, con người phải đi theo giải pháp “diệt dục”, một trong bốn phạm trù cơ bản của Phật giáo. “Bốn lời dạy bảo thiêng liêng”, “Tứ diệu đế” - bốn phạm trù cơ bản của triết lý Phật giáo: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đã khuyên con người hãy từ bỏ, hãy tiêu diệt mọi dục vọng, mọi ước muốn trần tục của cá nhân. Con người không biết tiêu diệt những dục vọng “tội lỗi” để đi vào con đường “tu”, tất nhiên sẽ phải gánh lấy hậu quả “sống đọa thác đày”.

Ở truyện *Chuyện nghiệp oan của Đào thị* tác giả trực tiếp đề cập đến chùa chiền, đến tầng lớp tăng lữ với hình ảnh sư Vô Kỵ không nghe lời dạy của Pháp giới, lại cứ dần sâu vào mê muội trong dục vọng bản năng. Do đó, dù thân họ có ở cõi thiên nhưng tâm không tịnh độ thì vẫn bị cái xấu xa, dục vọng, bản năng mời gọi. Quan niệm Phật giáo đã được Nguyễn Dữ chuyển tải qua tác phẩm: Cát, hung, họa, phúc là thứ sẵn có trong tâm, phải tu hành thì phúc mới đến, do tình cảm với con người tục thế mà sư Vô Kỵ rơi vào bể khổ ải, và sư cũng đang đón nhận và cam chịu nó như một định mệnh đời mình. Ở đây, tư tưởng Phật giáo hòa quyện trong triết lý dân gian rằng mọi việc thiện ác phúc họa ở đời đều xuất phát từ tâm, và khuyên rằng con người nên từ bỏ cái ác phục tùng điều thiện. Thực tế là sau khi triều Lê độc tôn Nho học, Phật giáo một mặt phải sống trong tâm của người bình dân nơi làng xóm, một mặt trở nên suy yếu, tăng lữ không theo Phật pháp khiến xã hội không ổn định.

Trong *Chuyện cái chùa hoang ở Đông Triều*, tác giả ngang nhiên công kích: “Than ôi! Cái thuyết nhà Phật thật vô ích mà có hại quá lắm. Nghe lời nói năng thì từ bi, quảng đại, tìm sự ứng báo thì bắt gió mơ hồ. Dân kính tin theo đến nỗi có người phá sản để cúng cho nhà chùa. Nay xem cái dư nghiệp ở trong một ngôi chùa nát còn góm ghê như thế” (Nguyễn, 1999, tr. 160). Tinh thần phê phán những dục vọng xấu xa trong xã hội phong kiến thối nát đã làm cho ngôi bút hiện thực của ông biến hóa vô cùng sắc sảo.

Thông qua những truyện như *Cây gạo, Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây, Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện Lý tướng quân, Chuyện nghiệp oan của Đào thị*,... Nguyễn Dữ thể hiện nhận thức về dục tính như

là nguồn cơn của tội lỗi, và đỉnh cao của thanh khiết có khả năng tái sinh con người. Đây là một tầm mức tư duy mới về bản chất sự sống và cái chết trong truyện truyền kỳ. Những câu chuyện trong Truyền kỳ mạn lục cũng cho thấy triết lý vô thường của Phật giáo: Rằng cuộc đời là một giấc mộng, những tháng năm tươi đẹp chẳng qua là chớp mắt, tất cả chỉ là ảo tưởng, nên con người hãy giữ cho con tim mình trong sạch, an bình. Theo quan niệm phương Đông, để có tâm tính như thế thì con người không ngừng tu sửa bản thân. Nho, Phật, Lão đã đề ra những phương pháp tu tâm khác nhau, nhưng cả ba học thuyết đều có chung một ý tưởng, đó là “diệt dục”, diệt trừ những ham muốn trong con người chúng ta. Nguyễn Dữ tâm đắc với quan niệm của nhà Phật để có một cái nhìn, một cách giải thích hiện thực, căn nguyên của tình trạng xã hội đảo điên. Mâu thuẫn xã hội được giải thích bằng mâu thuẫn siêu hình của triết lý Phật giáo phải chăng là cách nhà nho phản ánh hiện thực nhưng không bị liệt vào loại “yêu thư, yêu ngôn”. Và ông hy vọng nó sẽ mang lại một giá trị nhân sinh.

2.2.3. Tư tưởng “Nhân duyên”, “Luân hồi chuyển kiếp” và khát vọng hạnh phúc

Phật giáo cho rằng linh hồn của con người là bất diệt, linh hồn có thể rời bỏ thể xác mà tồn tại độc lập. Sinh là sự kết hợp giữa linh hồn và hình thể mới, chết là linh hồn rời bỏ hình thể cũ. Một con người sau khi chết, thân linh dựa vào quy luật “nhân quả báo ứng” đầu thai trở lại, gọi là “đầu thai chuyển kiếp”. “Đầu thai chuyển kiếp” có thể là người, cũng có thể là vật, quỷ, thần. Nho giáo không quan tâm đến vấn đề con người sau khi chết, Đạo giáo thì chỉ chú ý đến cuộc sống hiện thế. Phật giáo cho rằng con người trên con đường chuyển kiếp đó phải trải qua 5 kiếp nạn khổ ái luân hồi. Phật giáo nói “chuyển kiếp” là để nói rõ thuyết nhân quả, con người hiểu được nhân quả là có thật, từ đó mà né tránh việc ác hướng về điều thiện, đồng thời cuối cùng là thoát khỏi nỗi thống khổ của luân hồi sinh tử.

Tư tưởng luân hồi kiếp khác của Phật giáo và tâm lí trọng sinh tử của người Việt Nam có điểm tương đồng. Lấy *Truyện kỳ mạn lục* xem xét, chúng ta thấy “chuyển kiếp” không chỉ trở thành nội dung chủ yếu của yêu cầu tự sự trong câu chuyện, hơn nữa nó trở thành một kiểu kết cấu tình tiết truyện. Nói cách khác, “chuyển kiếp” trong nhiều truyện *Truyện kỳ mạn lục* trở thành điểm then chốt trong kết cấu

truyện (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện gã trà đồng giáng sinh, Chuyện oan nghiệp của Đào thị, Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Chuyện người con gái Nam Xương, Cây gạo, Chuyện Lý tướng quân, Chuyện tướng Dạ Xoa, Chuyện đối tụng ở Long cung...*). Kiểu mô hình kết cấu “chuyển kiếp” “vòng tròn cái chết, đi vào thế giới địa ngục rồi lại tái sinh” (Nguyễn, 2017, tr. 181), nhân vật truyền kỳ sau khi đã làm được nhiều việc tốt trong đời sống, và vì thế sau cái chết, họ được tái sinh hoặc lên thiên đường trong tư thế của một vị thần (*Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện tướng Dạ Xoa, Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Chuyện gã trà đồng giáng sinh, Chuyện người con gái Nam Xương*). Kiểu mô hình kết cấu hồn ma “chuyển kiếp” tái sinh để trả thù (*Chuyện oan nghiệp của Đào thị, Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang, Chuyện yêu quái ở Xương Giang...*) biểu trưng cho nỗi sợ hãi của con người khi đối diện với sự độc ác chớm nở trong tâm hồn. Không chỉ tạo bước ngoặt quan trọng trong phát triển tình tiết câu chuyện, kiểu mô hình kết cấu “chuyển kiếp” trong *Truyện kỳ mạn lục* còn đem đến tác dụng khác, đó là nhấn mạnh số phận khốn khổ con người trong xã hội phong kiến.

Việc “chuyển kiếp” quyết định ở “duyên”. Chữ Duyên (hàm nghĩa là duyên khởi, duyên sinh, nhân duyên) trong tiếng Sanskrit là *pratītyasamutpāda* (chữ Hán: 缘起). Nguyên gốc chữ “Duyên” bắt nguồn từ chữ Sanskrit “*paccaya*” có hàm nghĩa vô cùng rộng lớn: chuyển động, nương nhờ, nâng đỡ, nguyên do, nền tảng của mọi sinh tồn và chuyển hóa. Thuật ngữ *Thập nhị nhân duyên* là bài học vỡ lòng vĩnh viễn cho những ai hướng về đạo Phật, thuật ngữ này có mặt trong bộ thứ 7 của tạng Thắng pháp, gọi là bộ *Pathāna*. Bộ này có hai phần: Duyên hệ (hỗ trợ cho các pháp sinh được vững mạnh) và Duyên sinh (từ cái này, cái kia có). Chữ Duyên cốt tuý là một định danh triết học về đời sống, nhưng bản thân nó không đóng đinh trên đài kinh điển mà đi vào đời sống, biến triết học tư tưởng thành triết lý đời sống. Chữ Duyên đi vào cuộc sống Việt Nam gần gũi và đượm màu thế tục, không chỉ còn cất nghĩa một vòng đời đau đớn của vô minh và luân hồi mà còn tự sản sinh ra một mối tình với các trạng thái tinh thần khác - “nhân duyên”. Điều này cho thấy triết lý Phật giáo tồn tại bền bỉ và sâu thẳm trong cuộc sống người dân Việt xưa. Nguyễn Dữ với các truyện *Từ Thức lấy vợ tiên, Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Cây gạo,*

Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây, Chuyện oan nghiệp của Đào thị... đề cập đến chữ “nhân duyên”. Các truyện *Cây gạo, Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây, Chuyện oan nghiệp của Đào thị* kể về “nhân duyên” giữa người với ma quỷ.

Các truyện *Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu, Từ Thức lấy vợ tiên, Chuyện nàng Lệ Nương* lại kể về “nhân duyên” giữa con người với nhau, con người với thần tiên. Ở các truyện trên, luân hồi chuyển kiếp là chỗ dựa của tình cảm bền lâu. Năm tháng đi qua, sinh tử vô tình, u minh trăm lối, nhưng tất cả đều không thể chia cắt nỗi tình cảm chân thành giữa nhân gian. Các truyện *Cây gạo, Chuyện yêu quái ở Xương Giang, Chuyện kỳ ngộ ở trại Tây, Chuyện oan nghiệp của Đào thị, Từ Thức lấy vợ tiên* lại nhấn mạnh “nhân duyên” của hai thế giới, là tình cảm chân thành tha thiết không đổi thay giữa giới hạn người với thần tiên, người với ma quỷ. “Nhân duyên” nam nữ giữa con người với lực lượng thần kỳ được nói đến trong các truyện của *Truyện kỳ mạn lục* là thứ tình cảm vượt qua không gian và thời gian. Với hình thức “chuyển kiếp” và “nhân duyên” tình yêu được biểu hiện lên thật đẹp đẽ và cảm động lòng người. Ở đây, có thể thấy rằng, tư tưởng Phật giáo trong truyện truyền kỳ của Nguyễn Dữ đã có những thay đổi căn bản. Trong *Truyện kỳ mạn lục*, thế giới quan, nhân sinh quan Phật giáo với nhân duyên, chuyển kiếp, giải thoát đã có những điểm gần gũi với nhân sinh quan của người dân Việt, gắn với Phật giáo thế tục hóa. Một mặt, phản ánh thời kỳ Lê - Mạc là thời kỳ Phật giáo thế tục hóa. Phật giáo đi sâu vào đời sống hiện thế của người dân Việt. Chỗ quan tâm của con người thời kỳ này không phải là giải thoát, xuất thế, mà là đem Phật giáo làm trung gian để khẩn cầu lợi ích hiện thế. Con người mượn tín Phật, cầu Phật để đạt được hạnh phúc hiện thế, tiến lên một bước cầu mong vinh hoa an lạc thế giới bên kia. Dưới tâm lý chung như thế, sắc màu thế tục của nhân sinh quan, thế giới quan Phật giáo được nhấn mạnh^③.

Một mặt, *Truyện kỳ mạn lục* miêu tả những hiện thực thời Lê - Mạc với triều đại đổi thay, xã hội rối loạn bất an, người dân khốn cùng lưu lạc trong nội chiến. Hiện thực rối ren khiến con người chịu đựng bao khổ đau đã bắt đầu tìm kiếm sự an ủi tinh thần. Cuộc đời này không thể gặp nhau, niềm hy vọng hạnh phúc sẽ được gửi gắm vào kiếp khác. Tư tưởng nhân

duyên, chuyển kiếp của Phật giáo phù hợp với sự bất lực của con người với hiện thế và niềm ngóng trông tương lai. Con người dựa vào lí tưởng của bản thân vận dụng lí giải theo một cách khác tư tưởng của Phật giáo hay mượn tư tưởng Phật giáo khoác lên hàm ý nội dung mới. Điều này khiến tư tưởng nhân duyên, giải thoát, chuyển kiếp của Phật giáo được thể hiện thành một thủ pháp biểu đạt tình cảm con người.

2.2.4. Thế giới địa ngục Phật giáo và giá trị phản ánh hiện thực

Truyện kỳ mạn lục chủ yếu viết về con người trong các mối quan hệ xã hội nên không gian trần thế chiếm vị trí quan trọng. Tuy nhiên, trong tác phẩm, nhân vật ma quỷ cũng chiếm một số lượng không ít nên không gian kỳ ảo mà ở đây là địa ngục cũng được tác giả chú ý. Thế giới quan Phật giáo cho là có 6 cõi luân hồi: Cõi trời (tiếng Phạn: *deva*), Cõi thần (tiếng Phạn: *asura*), Cõi người (tiếng Phạn: *manussa*), Cõi súc sinh (tiếng Phạn: *tiracchānayani*), Cõi ngạ quỷ (tiếng Phạn: *petta*), Cõi địa ngục (tiếng Phạn: *niraya*). Đặc điểm chung của các cõi luân hồi là vô thường, chúng sinh sau khi chết sẽ được tái sinh vào một trong 6 cõi này. Con người không thể thoát khỏi quy luật sinh tử, luân chuyển trong 6 cõi đó như bánh xe vĩnh viễn không thoát ra được. Luân hồi do nghiệp tạo thành. Do đó, nếu con người hành thiện sẽ lưu chuyển trong 3 cõi thiện, nếu con người làm việc ác sẽ rơi vào 3 cõi ác. Địa ngục là tầng thấp nhất trong 3 cõi ác, là nơi phán xét cuối cùng. Người làm việc ác có thể trốn tránh báo ứng trong hiện thế, nhưng không thể thoát khỏi sự trừng phạt ở địa ngục sau khi chết. Trong quan niệm của người Việt Nam từ xưa, địa ngục của Phật giáo gắn với thế giới tối tăm sau khi chết, với hồn ma và bóng quỷ. Thế giới địa ngục trong *Truyện kỳ mạn lục* được miêu tả là nơi phát sinh những câu chuyện sau cái chết của con người. Ở đó có 24 toà Phong Đô, ngục Cửu U lạnh lẽo tối tăm, nơi đầy đọa kẻ ác trầm luân kiếp kiếp (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Chuyện tướng Dạ Xoa, Chuyện Lý tướng quân, Chuyện trà đồng giáng sinh, Chuyện yêu quái ở Xương Giang*). Các câu chuyện trên đã ít nhiều miêu tả thế giới địa ngục với các cực hình ghê rợn. Cùng với tư tưởng “nhân quả báo ứng” là lời cảnh báo nhân thế nếu làm việc ác sẽ nhận được cực hình tàn khốc, sự hành hạ, đọa đầy đích đáng nơi địa ngục, vĩnh viễn không có ngày giải thoát. Chúng ta chứng kiến quang cảnh các phiên toà xử tội những người

độc ác ở trần gian với các hình phạt khủng khiếp ở Cửu U và lời tuyên của các vị thần về trầm luân kiếp kiếp không bao giờ thoát ra được của viên quan họ Lý (*Chuyện Lý tướng quân*), của lũ ma quỷ (*Chuyện tướng Dạ Xoa*), của tên giặc họ Thôi (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*),... Kinh Địa tạng bỏ tất bốn nguyên miêu tả thế giới địa ngục với rất nhiều cực hình khủng khiếp đáng sợ, giảng giải rất nhiều về việc làm điều ác mà rơi vào địa ngục tối tăm, từ đó cảnh cáo chúng sinh, cũng như khuyên con người nên dốc lòng hướng thiện. Nguyễn Dữ mượn thế giới địa ngục để làm nổi bật sự tối tăm, thối nát của hiện thực nhân gian và cũng là cảnh báo với con người.

Trong *Truyện kỳ mạn lục*, địa ngục không chỉ là để giảng giải về thuyết quả báo, quan trọng hơn, địa ngục là một hình ảnh thu nhỏ của thế giới hiện thực. Thế giới địa ngục là một cách phản ánh thế giới hiện thực cuộc sống trần thế. Vì thế, thế giới địa ngục không phải khi nào cũng được hình dung như một không gian trừng phạt sau cái chết với những dòng sông đưa đón linh hồn, với quỷ dữ canh gác và hàng hà sa số các loại nhục hình. Nguyễn Dữ còn xây dựng hình ảnh địa ngục là một thế giới đem lại điều “tốt đẹp” cho người sống “tu nhân tích đức”. Địa ngục trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*, *Chuyện tướng Dạ Xoa*, *Chuyện Lý tướng quân*,... là đối ảnh của hiện thực. Địa ngục là nơi thay đổi thân phận, số phận của con người (*Cây gạo*, *Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên tào*, *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Chuyện tướng Dạ Xoa*). Tại địa ngục, những kẻ sĩ khảng khái, chính trực kiên quyết chống gian tà có cơ hội thăng thân vạch trần tội ác của thế lực ma quỷ với đầy đủ chứng cứ và được ban thưởng, tái sinh, trọng dụng (Văn Dĩ Thành - *Chuyện tướng Dạ Xoa*, Ngô Tử Văn - *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*). Ở đây, kẻ mang tội ác đã bị đền tội, người oan khuất được minh oan, mang lại công bằng cho người chính trực. Trong *Truyện kỳ mạn lục*, nhiều trường hợp con người tìm đến địa ngục là tìm đến sự giải thoát cho bản thân. Trong thế giới địa ngục, có một nhân vật chúng ta phải nhắc tới là Diêm Vương. Diêm Vương là người đứng đầu Minh ti, trực tiếp phán xử vụ án oan khuất ở trần gian. Với tư cách là “thẩm phán” phiên tòa, Diêm Vương đã suy xét mọi chuyện và nghị án một cách công bằng. Qua nhân vật Diêm Vương, chúng ta có thể thấy một thế giới địa ngục thanh bình, nhân tâm thị tào là một cách phủ định thế giới hiện thực. Thế giới của Diêm Vương

được phản ánh trong truyện thể hiện mơ ước về một thế giới hiện thực công minh, bình đẳng. Thế giới nhân gian không có bình đẳng thì mượn thế giới địa ngục để thực hiện “nhân quả báo ứng”. Ở đây, nhân quả báo ứng của Phật giáo gắn gũi với triết lý hành động của nhân dân, một triết lý công bằng, giàu tính nhân văn, hợp lẽ tự nhiên. Nguyễn Dữ đã cho thấy cái hợp lý ẩn dưới cái phi lý, nội dung xã hội dần dần dần bước khỏi niêm siêu hình, hình tượng văn học ca ngợi khát vọng sống của nhân dân, phê phán những thế lực phong kiến hủ bại, suy đồi. Trong xung đột, trong đấu tranh, bài ca thắng lợi thuộc về lực lượng chính nghĩa và tiến bộ. Ở đây địa ngục chứng minh nhân quả báo ứng, quan trọng hơn là tương phản để làm nổi bật thế giới đen tối, bất công của hiện thực nhân gian và khát vọng hạnh phúc.

3. Kết luận

Tóm lại, dấu ấn nhân sinh quan Phật giáo trong *Truyện kỳ mạn lục* là một dấu ấn đương nhiên trong thời đại Nguyễn Dữ sống (một thời đại gây phiền não sâu sắc về tinh thần của con người). Sự thấm trải triết lý Phật giáo của nhà Nho này ở chiều sâu của cảm thức dân gian và suy nghiệm cá nhân. Ông đã đem triết lý nhân sinh linh hội từ Phật giáo hòa vào sáng tác của mình, khiến tác phẩm giàu dư vị triết học sâu xa và có giá trị hiện thực sâu sắc. Đúng như nhận định của Trần Ích Nguyên: “Nguyễn Dữ mượn *Truyện kỳ mạn lục* để trừ phát niệm cô phần, thổ lộ nỗi bất bình đau đớn với giới cầm quyền đương thời và với tình hình xã hội loạn lạc; tác phẩm của ông không chỉ hạn hẹp ở chỗ khuyên răn người đời mà còn ngụ nỗi đau đời” (Trần Ích Nguyên, 2000, tr. 7). Có thể nhận thấy nhân sinh quan Phật giáo có ảnh hưởng rất quan trọng quan niệm sáng tạo, nội dung và hình thức của tác phẩm *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ. Nhân sinh quan Phật giáo trong *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, một kiệt tác văn học ra đời trong bối cảnh xã hội Việt Nam thời kỳ đất nước loạn lạc, tư tưởng Nho giáo khủng hoảng sâu sắc, bản thân ông nhận thức rõ nét tình trạng xã hội đen tối và tai họa chiến tranh, cho thấy thái độ bất mãn với thời cuộc của nhà Nho và là một diễn ngôn của “giải thoát”. Thông qua sáng tác của mình, Nguyễn Dữ khẳng định lại những giá trị nhân sinh như nhân quả ứng báo, khuyến thiện trừng ác, tu nhân tích đức... trong tâm linh người Việt Nam cũng chính là mong muốn duy trì, phát triển văn hóa truyền thống của xã hội Việt Nam. Do vậy, trong tác

phẩm *Truyện kỳ mạn lục* các tư tưởng triết lý Phật giáo được phản ánh khi thâm thấu qua văn hóa, xã hội Việt Nam có những tiếp biến đổi thay. Những ý nghĩa triết lý của tư tưởng Phật giáo đã góp phần biểu hiện ra một cách nổi bật tinh thần thế tục Việt Nam.

Ghi chú:

① Chữ dùng của Kenneth DeWoskin và J.I.Crump. (1996). *In search of the Supernatural: The Written Record* (Sưu thần ký). Stanford: Stanford University Press, 52.

② Xét về yếu tố thời đại, khi nhà Mạc lên ngôi, luân lý phong kiến Việt Nam thời trung đại bị khủng hoảng trầm trọng. Khi sự kiểm toà của Nho giáo bị rạn nứt thì các tôn giáo khác như Phật giáo, Đạo giáo, tư tưởng Lão Trang, có cơ phục hồi và phát triển trở lại. Đó là chưa kể Nho giáo không thâm nhập sâu được vào đời sống của quần chúng nhân dân Việt Nam.

③ Thời kỳ Lê - Mạc, Phật giáo bị đẩy lùi về nông thôn, người Việt chủ yếu chỉ tiếp thu Tịnh độ tông. Phái này thờ Phật A-di-đà và chủ trương nếu cứ niệm tên ngài (Nam mô A-di-đà Phật) thật nhiều lần thì đến một độ nào đó sẽ đạt được giác ngộ. Tịnh độ tông chủ trương một cuộc sống hiện thế lương thiện, lành mạnh, trong sạch phù hợp với người bình dân Việt vốn thực tế, thực dụng.

Tài liệu tham khảo

DeWoskin, K., & Crump, J. I. (1996). *In search of the Supernatural: The Written Record* (Sưu thần ký). Stanford: Stanford University Press.

Narada, T. (2009). *Phật giáo yếu lược* (Thích Trí Chơn (dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Phương Đông.

Nguyễn, D. (1999). *Truyện kỳ mạn lục* (Ngô Văn Triện (dịch). Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn nghệ.

Nguyễn, C. L., & Đoàn, L. G.. (2016). *Văn học Phật giáo Việt Nam: thành tựu và định hướng nghiên cứu mới*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Khoa học Xã hội.

Nguyễn, T. K. N. (2017). *Folklore và văn học viết nghiên cứu từ góc độ dịch chuyển không gian trong truyện cổ tích và truyện truyền kỳ*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

Suzuki, D. T. (1992). *Thiền luận (Quyển trung)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

Thích, Đ. N. (P.L: 2539 - 1995). *Đạo Phật Việt Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành.

Trần, I. N. (2000). *Nghiên cứu so sánh Tiền đấng tân thoại & Truyện kỳ mạn lục* (Phạm Tú Châu, Trần Băng Thanh, Nguyễn Thị Ngân (dịch). Hà Nội: NXB Văn học.

Trần, N. V. (Chủ biên). (2018). *Văn học Việt Nam thế kỷ X - XIX những vấn đề lý luận và lịch sử*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.

Vũ, T. (2018). Thể loại truyện kỳ ảo Việt Nam thời trung đại - quá trình nảy sinh và phát triển đến đỉnh điểm. Trong Trần Ngọc Vương (chủ biên), *Văn học Việt Nam thế kỷ X - XIX những vấn đề lý luận và lịch sử (770-809)*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia.

Viện Sử học. (1977). *Lê Quý Đôn - Kiến văn tiểu lục*. Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội.